

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 195/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 17 tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển
5 năm giai đoạn 2016-2020 của Công ty TNHH MTV Sông Chu**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ; Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp; Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về việc công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước; Thông tư số 02/2015/TT-BKHĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về việc công bố thông tin hoạt động của Công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 4138/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Sông Chu;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 40/STC-TCDN ngày 06/01/2017 về kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2016-2020 của Công ty TNHH Một thành viên Sông Chu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2016-2020 của Công ty TNHH Một thành viên Sông Chu với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu tổng quát:

- Công ty TNHH Một thành viên Sông Chu tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác các hệ thống công trình thủy lợi hiện có để tưới, tiêu, cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và sinh hoạt vững chắc, chất lượng, an toàn.

- Giảm thiểu những thiệt hại do hạn hán, úng lụt gây ra, góp phần thực hiện mục tiêu sản xuất lương thực đạt trên 1,8 triệu tấn lương thực của tỉnh.

- Phát huy tiềm năng, tính ưu việt của hệ thống công trình thủy lợi của Công ty quản lý để ổn định phục vụ sản xuất công ích và đẩy nhanh tốc độ sản xuất kinh doanh ngoài công ích gắn với giải quyết việc làm, cải thiện đời sống của công nhân viên - lao động để phát triển Công ty ngày càng vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

- Thực hiện hoàn thành và hoàn thành các nghĩa vụ về thuế, phí và các loại bảo hiểm với nhà nước.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch cụ thể:

2.1. Sản lượng sản phẩm chủ yếu:

a) Diện tích tưới, tiêu: Chỉ tiêu diện tích xây dựng theo mục tiêu phục vụ tưới, tiêu, cấp nước cho diện tích đất nông nghiệp theo nhu cầu cung cấp nước tưới của các địa phương và kế hoạch tình giao cho Công ty. Chất lượng tưới, tiêu ngày càng được nâng cao, đến năm 2020 có ít nhất 95% diện tích được tưới là diện tích tưới chủ động. Số liệu diện tích tưới, tiêu, cấp nước cụ thể như sau:

S T T	Năm	Diện tích tưới tiêu (Ha)			
		Tổng số	Trong đó		
			Vụ chiêm	Vụ mùa	Vụ đông
1	2016	134.753	59.693	60.134	14.926
2	2017	136.149	60.409	60.856	14.884
3	2018	137.604	61.134	61.586	14.884
4	2019	138.218	61.440	61.894	14.884
5	2020	138.773	61.686	62.203	14.884

b) Cấp nước phục vụ sản xuất công nghiệp, nước sinh hoạt: Đến năm 2020 đạt: 62.245.000 m³ trở lên, cụ thể như sau:

S T T	Năm	Khối lượng nước (m ³)	Tổng số (1.000 đ)	Trong đó: KKT Nghi Sơn		
				Khối lượng nước (m ³)	Các đơn giá sử dụng nước (đ/m ³)	Thành tiền (1.000 đ)
1	2016	23.517.768	24.039.699	2.854.400	1.155; 1.890	4.512.816
2	2017	58.770.000	57.466.626	36.720.000	945; 1.155; 1.890	36.629.376
3	2018	59.872.500	58.508.488	36.720.000	945; 1.155; 1.890	36.629.376
4	2019	61.030.125	59.602.444	36.720.000	945; 1.155; 1.890	36.629.376
5	2020	62.245.631	60.751.097	36.720.000	945; 1.155; 1.890	36.629.376

c) Kinh doanh xây lắp: ổn định và mở rộng lĩnh vực kinh doanh xây lắp để có doanh thu năm sau cao hơn năm trước; phấn đấu từ 2016 đến năm 2020 doanh thu đạt từ 20 ÷ 30 tỷ đồng/năm, lợi nhuận đạt từ 5% trở lên.

d) Từng bước nghiên cứu tiềm năng công trình để khai thác tổng hợp công trình thủy lợi; Phấn đấu đến năm 2020 có ít nhất 1 cơ sở kinh doanh tổng hợp các công trình thủy lợi.

e) Phát điện với sản lượng điện thương phẩm bình quân 500.000 kwh/năm -:- 550.000 kwh/năm tại Nhà máy thủy điện Poom Buôi, Tén Tàn;

2.2. Doanh thu, lợi nhuận và chi phí:

- Với mục tiêu diện tích tưới năm sau cao hơn năm trước và cơ cấu tưới chủ động tăng lên, từ đó phấn đấu thực hiện chỉ tiêu giá trị thủy lợi phí năm sau cao hơn năm trước với mức tăng từ 1,5%/năm trở lên. Thu thủy lợi phí hàng năm đạt 100% (Đối với diện tích phải thu của người dùng nước).

- Tích cực phát triển và mở rộng kinh doanh tổng hợp như cấp nước công nghiệp, sinh hoạt, phát điện.

Kế hoạch doanh thu, chi phí và kết quả tài chính của hoạt động quản lý khai thác công trình thủy lợi năm 2016 - 2020 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

S T T	Năm	Tổng doanh thu	Trong đó		Chi phí	Lợi nhuận
			Doanh thu thủy lợi phí	Doanh thu từ khai thác THCTTLTĐ		
1	2016	158.899.699	134.860.000	24.039.699	159.278.598	9.804.788
2	2017	194.666.626	137.200.000	57.466.626	184.371.599	10.295.027
3	2018	197.008.488	138.500.000	58.508.488	186.198.709	10.809.779
4	2019	199.102.444	139.500.000	59.602.444	187.752.176	11.350.268
5	2020	200.751.097	140.000.000	60.751.097	188.833.316	11.917.781

2.3. Nộp ngân sách: Nộp đủ và kịp thời gian thuế và các khoản phải nộp khác cho ngân sách Nhà nước theo đúng quy định.

2.4. Lao động: Ổn định lao động và không tăng lao động kể cả do Nhà nước giao thêm nhiệm vụ quản lý công trình cho công ty, không vượt quá 1.103 cán bộ, công nhân viên lao động (bảng lao động được duyệt năm 2015).

2.5. Tiền lương: Tiếp tục phát triển sản xuất kinh doanh để nâng cao thu nhập hàng năm cho công nhân viên, lao động; phấn đấu tiền lương bình quân 4.700.000 đồng/người/tháng trở lên.

2.6. Lợi nhuận: Đảm bảo lợi nhuận sau thuế bằng 02 tháng lương trở lên để có nguồn trích được 2 quỹ khen thưởng, phúc lợi đảm bảo chế độ cho người lao động.

2.7. Chỉ tiêu đầu tư:

a) Các dự án đang triển khai:

- Liên doanh xây dựng dự án hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nghi Sơn-Thanh Hoá.

- Dự án đầu tư xây dựng công trình, nâng cấp trạm bơm tiêu Tân Ninh, xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn;

b) Các dự án dự kiến triển khai trong giai đoạn 2016 ÷ 2010:

- Dự án sửa chữa nâng cấp 2 hồ Kim Giao (Tĩnh Gia và Đông Bề -Triệu Sơn).

- Dự án kiên cố hóa Kênh Chính, Kênh Bắc, Kênh Nam hệ thống thủy nông Sông Chu.

- Dự án sửa chữa nâng cấp các hệ thống tiêu lớn cả trọng lực và động lực; nâng cấp hệ thống thủy lợi thủy điện Poom Bưởi;

- Dự án xây dựng trạm bơm Sông Yên.

- Phối hợp để đầu tư, kinh doanh có hiệu quả dự án cung cấp nước cho Khu kinh tế Nghi Sơn;

- Lập và thực hiện dự án cung cấp nước sạch cho khu Mường Lát, chậm nhất đến năm 2020 sẽ thành lập Chi nhánh cấp nước Khu kinh tế Nghi Sơn.

- Xây dựng mô hình tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn, phù hợp với thực tế khu tưới và cây trồng do công ty phục vụ tưới tiêu.

c. Nguồn vốn thực hiện: Từ các nguồn vốn vay ODA, vay vốn trong nước, vốn ngân sách Nhà nước hỗ trợ và các nguồn vốn hợp pháp của Công ty.

3. Giải pháp thực hiện:

3.1. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý, điều hành tưới tiêu nước, đảm bảo tưới tiêu ổn định, vững chắc đáp ứng yêu cầu phục vụ cho chuyển dịch cơ cấu cây trồng trong nông nghiệp và cho các hoạt động dùng nước khác có liên quan đến phát triển kinh tế và dân sinh. Nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào khai thác có chiều sâu khả năng của công trình để nâng cao hiệu quả khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

3.2. Tăng cường công tác quản lý, vận hành, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa công trình, đảm bảo an toàn phục vụ sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các nội dung: Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, Nghị định số 143/2003/NĐ-CP, Nghị định số: 67/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về việc: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số: 143/2003/NĐ-CP; Thông tư hướng dẫn việc thành lập củng cố và phát triển các tổ chức dùng nước và các văn

bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến công tác quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

3.3. Đẩy mạnh lĩnh vực kinh doanh ngoài công ích, phát triển các hình thức kinh doanh theo hướng mở rộng ngành nghề dịch vụ, phù hợp quy mô, năng lực (cấp nước công nghiệp, sinh hoạt, nuôi trồng thủy sản, phát điện, kinh doanh điện lực, hoạt động xây lắp công trình...) để tăng nguồn thu, bảo toàn vốn, tạo thế chủ động trong hoạt động tài chính của Công ty.

3.4. Tiếp tục đổi mới công tác tổ chức sản xuất và sắp xếp lại dây chuyền sản xuất, giảm lao động công ích. Xây dựng đề án, kế hoạch phân cấp, cơ chế chuyển giao quản lý khai thác công trình thủy lợi thuộc địa bàn Công ty, đảm bảo sau khi chuyển giao công trình phát huy hiệu quả cao hơn theo hướng dẫn tại Thông tư: 65/2009/TT-BNN ngày 12/10/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn tổ chức hoạt động phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi; Quyết định số: 1323/2010/QĐ-UBND ngày 22/4/2010 của UBND Tỉnh Thanh Hóa về việc quy định vị trí cống đầu kênh và mức trần thu phí dịch vụ thủy lợi phí nội đồng.

3.5. Tiếp tục đầu tư có trọng điểm công trình:

- Tu sửa, kiên cố hoá công trình, khôi phục, cải tạo nâng cấp các công trình theo hướng ưu tiên công trình đầu mối trọng điểm, công trình tiêu trên cơ sở rà soát hoàn thiện quy hoạch tiêu ở các hệ thống, đảm bảo an toàn hồ chứa nước. Tăng cường quản lý chất lượng công tác tu sửa công trình từ khâu kế hoạch, thiết kế kỹ thuật, thi công, quyết toán đến công tác quản lý. Thực hiện nghiêm túc chế độ quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước nhằm tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát, tiêu cực ở mọi khâu trong xây dựng sửa chữa công trình.

- Thực hiện có hiệu quả các dự án: Sửa chữa nâng cấp hệ thống thủy nông Sông Chu giai đoạn 2, sửa chữa nâng cấp các hệ thống tiêu lớn cả trọng lực và động lực; nâng cấp hệ thống thủy lợi thủy điện Poom Buôi; Phối hợp để quản lý dự án cung cấp nước cho Khu kinh tế Nghi Sơn; lập và thực hiện dự án cung cấp nước sạch cho khu Mường Lát và Ngọc Lặc; Đến năm 2020 sẽ thành lập Chi nhánh cấp nước Khu kinh tế Nghi Sơn.

3.6. Nâng cao chất lượng lãnh đạo tổ chức điều hành của cán bộ lãnh đạo nhằm thực hiện nhiệm vụ kế hoạch được giao.

3.7. Quan tâm nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại chỗ của Công ty. Chú ý sắp xếp, quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý của Công ty đảm bảo uy tín, năng lực lãnh đạo để bổ sung lực lượng cán bộ lãnh đạo quản lý doanh nghiệp cho hiện tại và lâu dài.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Các Sở, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu

tư phát triển 5 năm giai đoạn 2016-2020 của Công ty TNHH Một thành viên Sông Chu.

- Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Một thành viên Sông Chu chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm giai đoạn 2016-2020; định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Một thành viên Sông Chu; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC.
(QB-KH Sông Chu 1-17)

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH *cham*



Lê Thị Thìn